

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST.

Ngày: 17-3-2025.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch T, sinh ngày 28/7/1982.

Nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện tại: Hẻm C, đường B, Khóm H, Phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc T1, sinh ngày 01/02/1986. Địa chỉ: khóm C, Phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1988 và bà Vương Mỹ T2, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Khóm H, Phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 của nguyên đơn ông Thạch T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày:

Ngày 17/7/2024, ông T có cho bà T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để bà T1 mua tài sản. Bà T1 có viết biên nhận nợ, bà T1 có giao cho ông một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 514029 (bản gốc) để làm tin và bà T1 hứa trong vòng 10 ngày sẽ trả lại số tiền nêu trên và tiền lãi do các bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên, đến nay sau nhiều lần hứa hẹn bà T1 vẫn không trả lại cho ông T số tiền trên.

Nay ông Thạch T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Buộc bà Trần Ngọc T1 trả lại cho ông số tiền vốn còn thiếu là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng với số tiền là 66.640.000 đồng. Khi bà T1 trả đủ tiền vốn và lãi ông sẽ trả lại một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 514029 (bản gốc) cho bà T1. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Ngọc T1 trình bày:*

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 12 năm 2024, bà T1 trình bày: Theo Biên nhận mượn tiền ngày 17/7/2024 do ông T cung cấp cho Tòa án, bà đã xem lại, bà thừa nhận bà có ký tên vay của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng, bà ký tên một mình nhưng số tiền trên là 03 (ba) người cùng vay chung để kinh doanh bất động sản và dịch vụ xe (gồm có bà và vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Vương Mỹ T2) nhưng ông H, bà T2 không có ký tên vào biên nhận trên; Đến ngày 23/10/2024 số lãi phát sinh là 570.000.000 đồng thì bà cùng ông H, bà T2 có làm giấy nợ mới “Biên nhận mượn tiền” gồm 570.000.000 đồng tiền lãi và tiền vốn là 1.000.000.000 đồng, cả 03 (ba) người (gồm có bà và vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Vương Mỹ T2) cùng ký tên vào “Biên nhận mượn tiền” nợ có xác nhận của ông Thạch T và người làm chứng là ông Nguyễn Văn Liêm. Nay ông T yêu cầu bà trả số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng theo Biên nhận mượn tiền ngày 17/7/2024 bà không đồng ý. Vì tiền vay chung nên bà yêu cầu ông H, bà T2 cùng có nghĩa vụ trả, bà chỉ đồng ý trả 1/3 số nợ. Bà yêu cầu hoãn phiên hoà giải để bà yêu cầu Tòa án triệu tập ông H, bà T2 để làm rõ về vụ án. Đối với “Biên nhận mượn tiền” ngày 17/7/2024 bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết vì đó là chữ ký, chữ viết của bà. Tại biên bản này Tòa án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị đơn cho bà T1 hiểu và bà không có ý kiến khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 01 năm 2025 bà T1 vẫn không đồng ý trả toàn bộ số nợ trên theo yêu cầu của ông T vì số tiền trên bà đã giao hết cho ông H, bà T2. Vì bà T2 cùng bà đi rút tiền tại Ngân hàng Sacombank V. Tòa án đã giải thích cho bà về quyền khởi kiện yêu cầu độc đối với ông H, bà T2 trong vụ án này. Bà cho rằng việc có yêu cầu độc lập hay không cho bà tự suy nghĩ lại đến hết ngày 07/02/2025 nếu bà không thực hiện thì xem như bà không có yêu cầu. Ngoài ra bà T1 không có ý kiến khác.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung H và bà Vương Mỹ T2 trình bày:*

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 01 năm 2025 ông H trình bày: Ông thống nhất với nội dung nguyên đơn ông T trình bày là không liên quan đến ông. Ông không thống nhất với lời khai và chứng cứ của bà T1 cung cấp vì biên nhận nợ ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp là giao dịch khác, không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông T, không liên quan đến biên nhận nợ của bà T1 ngày 17/7/2024

và không liên quan đến vợ chồng ông. Biên nhận nợ ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp nêu có tranh chấp các bên sẽ tự thương lượng hoặc khởi kiện bằng vụ án khác. Ông xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vắng mặt ông.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 01 năm 2025 bà T2 trình bày: Bà thống nhất với nội dung ông T đã trình là không liên quan đến bà. Bà thống nhất với lời khai của ông H chồng bà. Bà không thống nhất với lời khai và chứng cứ của bà T1 cung cấp vì biên nhận nợ ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp là giao dịch khác, không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông T, không liên quan đến biên nhận nợ của bà T1 ngày 17/7/2024 và không liên quan đến vợ chồng bà. Biên nhận nợ ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp nêu có tranh chấp các bên sẽ tự thương lượng hoặc khởi kiện bằng vụ án khác. Bà xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vắng mặt bà.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 12 năm 2024 ông T trình bày:*

Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung bà T1 trình bày về biên nhận nợ ngày 23/10/2024 là giao dịch khác, không liên quan đến nội dung khởi kiện, nếu có tranh chấp ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên việc thỏa thuận tại Tòa án không thành.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch T.

Buộc bà Trần Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thạch T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H và bà Vương Mỹ T2 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Xét thấy, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa và đại diện Viện Kiểm sát đồng ý xét xử vắng mặt ông H, bà T2. Hội đồng xét xử hội ý tại chỗ và thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn là ông Thạch T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Ngọc T1 trả lại cho ông số tiền vốn còn thiếu là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi bà T1 trả đủ tiền vốn và lãi ông sẽ trả lại một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 514029 (bản gốc) cho bà T1. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

[2.2] Theo nội dung trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện hợp đồng vay tài sản (có lập thành văn bản) do nguyên đơn cung cấp, phía bị đơn thừa nhận có vay có có viết biên nhận nợ nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết có thật, các bên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T1 thừa nhận có ký tên vay nợ của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T1 cho rằng một mình bà T1 ký tên mượn tiền nhưng số tiền trên là của 03 người cùng vay chung để kinh doanh bất động sản và dịch vụ xe gồm: Bà T1 và vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Vương Mỹ T2 nhưng ông H, bà T2 không có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 17/7/2024 nhưng bà T1 không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Biên nhận mượn tiền ngày 17/7/2024 có chữ ký xác nhận của bà Trần Ngọc T1 và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, bà Trần Ngọc T1 còn nợ ông Thạch T số tiền 1.000.000.000 đồng và ông T có yêu cầu tính tiền lãi theo quy định. Việc bà T1 không thanh toán tiền cho ông T số tiền trên đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và gây khó khăn cho ông T trong việc thu hồi vốn cho vay, ảnh hưởng quyền lợi của ông T nên việc ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 thanh toán số tiền đã vay và lãi phát sinh cho ông T là đúng quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận. Đối với biên nhận mượn tiền ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp và cho rằng việc mượn số tiền trên do 03 người cùng mượn chung là bà T1 và vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Vương Mỹ T2 nên phải cùng nhau thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn ông T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H và bà T2 không đồng ý, ông H, bà T2 từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này vì cho rằng biên nhận ngày 23/10/2024 là một giao dịch khác, không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông T nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T1. Mặt khác đối với biên nhận mượn tiền ngày 23/10/2024 do bà T1 cung cấp là bản phô tô, bản gốc do ông T đang giữ. Vì bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên không đặt ra xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T khi bà T1 trả đủ tiền vốn và lãi ông sẽ trả lại một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 514029 (bản gốc) cho bà T1 và các bên không có tranh chấp về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc bà Trần Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho ông Thạch T tổng số tiền 1.066.640.000 đồng (trong đó tiền vốn là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi là 66.640.000 đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi suất được tính như sau: Số tiền 1.000.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 08 tháng (từ 17/7/2024 đến 17/3/2025) = 066.640.000 đồng.

[4] Đề Nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch T.

Buộc bà Trần Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho ông Thạch T tổng số tiền là 1.066.640.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Tiền lãi là 66.640.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Khi bà T1 trả đủ tiền vốn và lãi ông T có nghĩa vụ giao trả lại một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 514029 (bản gốc) cho bà T1.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Thạch T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng bà Trần Ngọc T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Thạch T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Ngọc T1 phải chịu 43.999.200 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Thạch T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Thạch T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0006210 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH